TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DS - PT
Ngày 05 - 4 - 2024
"V/v Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế và tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng
***Các Thẩm phán*:** Ông Hồ Văn Luông
Ông Võ Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2024/TLPT – DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế và tranh chấp chia di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS - ST, ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2024/QĐPT - DS ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Phạm Tuyết H (tên gọi khác: M), sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

1.2. Anh Châu Thiên B, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Thanh V, Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Châu Kiều D, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị K, sinh năm 1944 (đã chết năm 2023);

Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị K:

- Bà Châu Kiều D, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Châu Lệ T, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Châu Nhựt T1, sinh năm 1967 (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Đăng ký thường trú: khu vực T, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang;

Chỗ ở hiện nay: TT 61/81/4, H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông Nguyễn Văn H1 (chồng của bà Châu Tuyết H2), sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Anh Nguyễn Nhật P (con của bà Châu Tuyết H2 và ông Nguyễn Văn H1), sinh năm 1986 (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Anh Nguyễn Đức T2 (con của bà Châu Tuyết H2 và ông Nguyễn Văn H1), sinh năm 1988 (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Chị Nguyễn Thị Châu N (con của bà Châu Tuyết H2 và ông Nguyễn Văn H1), sinh năm 1994 (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Chị Châu Thiên N1, sinh năm 2005;

Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của chị Châu Thiên N1 (theo Văn bản ủy quyền ngày 06/10/2023): Bà Phạm Tuyết H (tên gọi khác: M), sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.3. Bà Châu Lệ T, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.4. Ông Châu Nhựt T1, sinh năm 1967 (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Đăng ký thường trú: khu vực T, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang;

Chỗ ở hiện nay: TT 61/81/4, H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.5. Ông Võ Hoàng A, sinh năm 1974 (có mặt);

Đăng ký thường trú: ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang;

Chỗ ở hiện nay: khu vực T, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.6. Chị Võ Hoàng K1, sinh năm 1993 (có mặt);

Đăng ký thường trú: khu vực Bình Thạnh B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang;

Chỗ ở hiện nay: khu vực T, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.7. Anh Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1985 (có mặt);

Đăng ký thường trú: khu vực Bình Thạnh B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang;

Chỗ ở hiện nay: khu vực T, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Đặng Kim E (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

4.2. Ông Châu Thanh T4 (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: Các nguyên đơn bà Phạm Tuyết H, anh Châu Thiên B; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Châu Thiên N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Tuyết H trình bày:

Nguồn gốc đất là của cha, mẹ chồng của bà là ông Châu Hồng M1 và bà Trần Thị K để lại cho chồng bà H là ông Châu Thiên P1 (C). Ông P1 đã được Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000228, ngày 22/8/1995 với tổng diện tích đất là 13.015m^2.

Năm 1997, ông P1 và bà H có cho bà Châu Kiều D là em ruột của ông P1 ở nhờ trên phần đất hiện nay đang tranh chấp. Đến năm 2012, ông P1 có yêu cầu bà D trả lại phần đất cho ở nhờ nhưng bà D không đồng ý. Bà D yêu cầu Tổ hòa giải ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang hòa giải để cho bà D được cất nhà ở

nhưng khi hòa giải ông P1 không đồng ý và cho bà D thời hạn 01 năm (từ ngày 01/11/2013 đến ngày 01/11/2014) phải tháo dỡ nhà trả lại đất cho ông P1.

Đến tháng 8 năm 2014, ông P1 chết nên đến nay bà D không trả lại đất cho gia đình bà H. Năm 2021, bà D có sửa chữa nhà ở thì bà H và anh Châu Thiên B qua ngăn cản nhưng bà D vẫn cố tình sửa chữa lại căn nhà.

Nay nguyên đơn bà Phạm Tuyết H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Châu Kiều D trả lại phần đất theo đo đạc thực tế là 125,8m^2, đồng thời tháo dỡ, di dời tài sản trên đất. Đối với yêu cầu chia di sản phần đất 125,8m^2 của bà Trần Thị K cho các hàng thừa kế thì bà H không đồng ý phân chia. Bởi vì, năm 2020 Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ đã xét xử chia thừa kế đối với phần đất cho bà Trần Thị K diện tích 95,9m^2. Do đó, bà H không đồng ý theo yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Thị K.

Nguyên đơn anh Châu Thiên B trình bày: Anh B thống nhất lời trình bày của bà Phạm Tuyết H và yêu cầu bà Châu Kiều D trả lại phần đất theo đo đạc thực tế là 125,8m^2, đồng thời tháo dỡ, di dời tài sản trên đất. Đối với yêu cầu chia di sản phần đất 125,8m^2 của bà Trần Thị K cho các hàng thừa kế thì anh B không đồng ý phân chia.

Bị đơn bà Châu Kiều D trình bày: Năm 1993, anh của bà D là ông Châu Thiên P1 có cho bà D phần đất diện tích 300m^2, cùng thời điểm này bà D cất nhà trên phần đất để ở nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông P1 vẫn còn đang đứng tên. Năm 2014, ông P1 chết đến năm 2015 gia đình có họp nội bộ và lập Tờ thỏa thuận cho bà D phần đất diện tích 300m^2, phần đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đất của ông Châu Nhựt T1, hướng Tây giáp đất của bà Phạm Tuyết H, phía trước giáp lộ, phía sau giáp vườn của bà H. Khi đó bà Phạm Tuyết H có thống nhất và đồng ý ký tên.

Tuy nhiên, do việc ông Phong t cho không có giấy tờ gì nên bà D không tranh chấp đến giao dịch tặng cho. Hiện nay, gia đình bà D đang sinh sống trên phần đất tranh chấp, không có chỗ ở nào khác nên bà D yêu cầu được ổn định phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 125,8m^2, thống nhất trả lại giá trị tương ứng 03 kỷ phần cho bà H, anh B và chị N1. Đối với kỷ phần của bà K thì bà D được hưởng do bà K thống nhất giao lại cho bà D.

Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Trần Thị K trước khi chết trình bày: Bà Trần Thị K cùng chồng là ông Châu Hồng M1 có tạo lập được một số tài sản là quyền sử dụng đất để làm nhà ở cho các con. Do tuổi đã cao nên bà K để cho con là Châu Thiên P1 đứng tên quyền sử dụng đất số 000228. Ông Châu Thiên P1 chết để lại phần đất trong đó có thửa 1164 đang tranh chấp giữa bà Châu Kiều D với bà Phạm Tuyết H, diện tích theo đo đạc thực tế là 125,8m^2. Bà K là mẹ ruột của Châu Thiên P1 và thuộc hàng thừa kế thứ nhất, nên bà K yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 125,8m^2. Đối với suất thừa kế mà bà K được nhận sẽ nhường quyền nhận thừa kế lại cho con gái là bị đơn bà Châu Kiều D. Năm 2020, Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ xét xử công nhận phần đất có diện tích 95,9m^2 và buộc bà K có nghĩa vụ trả giá trị đất cho bà Hằng số tiền 31.647.000 đồng. Bà H cho rằng bà K đã được chia đất là không đúng.

Ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Ông H1 là chồng của bà Châu Tuyết H2, trong vụ án này, ông H1 không có yêu cầu gì, phần thừa kế do bà K được hưởng từ ông P1 thì ông H1 để lại cho bà Châu Kiều D được hưởng.

Anh Nguyễn Đức T2 trình bày: Anh T2 là con ruột của bà H2 và ông H1, trong vụ án này, anh T2 không có yêu cầu gì, phần thừa kế do bà K được hưởng từ ông P1 thì anh T2 để lại cho bà Châu Kiều D được hưởng.

Anh Nguyễn Nhật P trình bày: Anh P là con ruột của bà H2 và ông H1, trong vụ án này, anh P không có yêu cầu gì, phần thừa kế do bà K được hưởng từ ông P1 thì anh P để lại cho bà Châu Kiều D được hưởng.

Chị Nguyễn Thị Châu N trình bày: Chị N là con ruột của bà H2 và ông H1, trong vụ án này, chị N không có yêu cầu gì, phần thừa kế do bà K được hưởng từ ông P1 thì chị N để lại cho bà Châu Kiều D được hưởng.

Chị Châu Thiên N1 (có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Tuyết H) trình bày: Chị N1 là con ruột của ông P1 và bà H, trong vụ án này, chị N1 ủy quyền cho bà H toàn quyết quyết định, ý kiến bà H như là ý kiến của chị N1.

Ông Võ Hoàng A trình bày: Hiện nay, ông Hoàng A đang sinh sống trong căn nhà trên phần đất tranh chấp, trong vụ án này, ông Hoàng A để cho bà Châu Kiều D toàn quyền quyết định.

Chị Võ Hoàng K1 trình bày: Hiện nay, chị Hoàng K1 đang sinh sống trong căn nhà trên phần đất tranh chấp, trong vụ án này, chị Hoàng K1 để cho bà Châu Kiều D toàn quyền quyết định.

Anh Nguyễn Hữu T3 trình bày: Hiện nay, anh Hữu T3 đang sinh sống trong căn nhà trên phần đất tranh chấp, trong vụ án này, anh Hữu T3 để cho bà Châu Kiều D toàn quyền quyết định.

Bà Châu Lệ T trình bày: Bà T là chị ruột của bà Châu Kiều D, chị chồng của bà Phạm Tuyết H. Năm 2015, gia đình có làm tờ thỏa thuận cho bà Châu Kiều D phần đất diện tích 300m^2 (phần đất hiện nay đang tranh chấp), bà Phạm Tuyết H thống nhất cho bà D phần đất trên và có ký tên vào tờ thỏa thuận, phần đất hiện nay đang tranh chấp. Khi viết tờ thỏa thuận có bà T chứng kiến và ký tên. Khoảng năm 1995, thì bà D đã cất nhà ở trên phần đất tranh chấp vì nguồn gốc đất là của cha mẹ nhưng ông Châu Thiên P1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ phần đất. Toàn bộ phần đất do ông P1 đứng tên chưa phân chia cho anh em trong gia đình. Việc tranh chấp đất giữa bà H, anh B và bà D, bà K thì bà T không có yêu cầu gì. Phần đất bà K yêu cầu chia thừa kế diện tích 125,8m^2, bà T sẽ nhường quyền nhận thừa kế cho bà Châu Kiều D.

Ông Châu Nhựt T1 trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà Châu Lệ T. Phần đất bà K yêu cầu chia thừa kế diện tích 125,8m^2, ông T1 sẽ nhường quyền nhận thừa kế cho bà Châu Kiều D.

Quá trình giải quyết vụ án những người làm chứng trình bày:

Bà Đặng Kim E trình bày: Vào năm 2015, khi đó là Phó Bí thư Chi bộ ấp, khi đang đi công tác ngang nhà của bà Phạm Tuyết H thì ông Châu Thanh T4 có yêu cầu bà E chứng kiến vụ việc phân chia đất của gia đình bà Trần Thị K. Khi đó những người trong gia đình gồm bà K, bà T, bà D, bà H đã lập Tờ thỏa thuận phân chia cho ông T1 300m^2 đất, bà D 300m^2 đất. Những người trong gia đình bà K có ký tên vào Tờ thỏa thuận và ông T4 có ký xác nhận.

Ông Châu Thanh T4 trình bày: Ông T4 không nhớ thời gian cụ thể, khi đó ông T4 là Phó trưởng ấp, phụ trách công an ấp, ông T4 có chứng kiến việc gia đình bà K có tổ chức cuộc họp nội bộ gia tộc gồm bà K, bà D, bà H, ông T1, bà T. Các bên thống nhất phân chia cho ông T1 300m^2 đất, bà D 300m^2 đất. Phần đất của bà D theo thỏa thuận phân chia thì bà D đã cất nhà ở trước đó. Ông T4 có xác nhận vào Tờ thỏa thuận nêu trên, chữ viết trong Tờ thỏa thuận là do bà H và bà D nhờ ông T4 viết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS - ST, ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Tuyết H, anh Châu Thiên B về việc đòi lại di sản thừa kế.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị K.

Công nhận phần đất có diện tích 125,8m^2 cho bà Châu Kiều D (có mảnh trích đo địa chính số 04/SHC ngày 09/02/2022 của Công ty TNHH Đ (có xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L vào ngày 05/5/2022) kèm theo).

Buộc bà Phạm Tuyết H, anh Châu Thiên B, chị Châu Thiên N1 có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến phần đất tranh chấp để các bên thực hiện các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và các bên được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết của Tòa án.

Bà Châu Kiều D có nghĩa vụ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho bà Phạm Tuyết H, anh Châu Thiên B, chị Châu Thiên N1 mỗi người 20.442.500 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Châu Kiều D được tiếp tục, quản lý sử dụng toàn bộ tài sản trên phần đất tranh chấp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 13/11/2023, nguyên đơn bà Phạm Tuyết H và anh Châu Thiên B; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Châu Thiên N1 kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn bà Châu Kiều D trả lại phần đất đã mượn. Chia tài sản chung cho bà H với ông P1 62,9m^2, phần còn lại 62,9m^2 chia cho bà H, anh B, chị N1 nhận bằng hiện vật;

Tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn bà Phạm Tuyết H, ông Châu Thiên B; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Châu Thiên N1 có bà H làm đại diện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn yêu cầu Tòa phúc thẩm cho thẩm định lại tài sản tranh chấp. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa nhận định từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Tuyết H và ông Châu Thiên B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Châu Thiên N1. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia tài sản chung cho bà Phạm Tuyết H ½ diện tích 125,8m^2; còn lại chia cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Châu Thiên P1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:*

Bà Phạm Tuyết H và anh Châu Thiên B khởi kiện bà Châu Kiều D yêu cầu đòi lại di sản thừa kế do ông Châu Thiên P1 để lại; Bà Trần Thị K khởi kiện yêu cầu chia di sản là phần đất các bên đang tranh chấp. Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ đã tiến hành nhập các vụ án, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã L. Do đó, đây là "Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế và tranh chấp chia di sản thừa kế", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thủ tục kháng cáo*

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Tuyết H và anh Châu Thiên B; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Thiên N1 có đơn kháng cáo, đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp, nhưng không chứng minh được kết quả định giá lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị

trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết sơ thẩm. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp của nguyên đơn.

[2] Về nội dung

Nguyên đơn bà Phạm Tuyết H, anh Châu Thiên B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Châu Thiên N1 kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 125,8m^2, chia tài sản chung của vợ chồng giữa bà H và ông P1 cho bà H ½, phần còn lại chia cho đồng hàng thừa kế của ông Châu Thiên P1 gồm bà H, anh B, chị N1 và bà Trần Thị K.

Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1] *Về nguồn gốc đất*

Diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 125,8m^2 thuộc một phần thửa 1164 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000228.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 22/8/1995 cho ông Châu Thiên P1. Hiện đang do bị đơn bà Châu Kiều D xây cất nhà ở kiên cố từ năm 1997 cho đến nay.

Theo Công văn số 3950/UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị xã L xác nhận thửa đất 1164, tờ bản đồ số 08, diện tích 2.450m^2; mục đích sử dụng là đất T+LNK, có nguồn gốc sử dụng là đất của cha mẹ ông Châu Thiên P1. Ngày 20 tháng 10 năm 1993 ông Châu Thiên P1 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, đến ngày 22 tháng 8 năm 1995 ông Châu Thiên P1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Châu Thiên P1 và bà Phạm Tuyết H kết hôn vào năm 1990, ông P1 và bà H đã cùng nhau quản lý canh tác đất cho đến ngày ông P1 chết. Đất là nguồn thu nhập chung để nuôi sống chung cả gia đình là tài sản chung của vợ chồng. Bản án sơ thẩm xác định thửa đất 1164 là tài sản riêng của ông Châu Thiên P1 là không có cơ sở. Do vậy, việc bà H kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng cho bà ½ diện tích bằng 62,9m^2 là có cơ sở được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Như vậy, diện tích 62,9m^2 phần còn lại chia cho đồng thừa kế của ông P1 gồm bà Phạm Tuyết H, anh Châu Thiên B, chị Châu Thiên N1 và bà Trần Thị K mỗi người một kỷ phần bằng nhau.

Hiện tại bà Châu Kiều D là em của ông Châu Thiên P1 đang cất nhà kiên cố trên diện tích 125,8m^2 đất tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm ổn định chỗ ở cho bà D ở trên đất, bà D có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất

để chia thừa kế cho bà H, bà K, anh B, chị N1 là có cơ sở, không trái quy định pháp luật.

[2.2] *Phân chia di sản và chia thừa kế như sau*

Xác định di sản thừa kế là phần đất có diện tích 125,8m^2. Theo chứng thư thẩm định giá số 72 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá, có giá trị là 81.770.000 đồng.

Căn cứ vào quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xác định diện tích 125,8m^2 là tài sản chung của vợ chồng ông Châu Thiên P1 và bà Phan Tuyết H3. Bà H3 được chia ½ giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 40.885.000đồng. Phần còn lại của giá trị quyền sử dụng đất số tiền 40.885.000đồng để chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất của ông P1.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 "Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau". Trong vụ án này, hàng thừa kế của ông Phong bao g bà K, bà H3, anh B và chị N1 nên mỗi người được hưởng kỷ phần tương ứng ¼ di sản. Cụ thể, mỗi kỷ phần có giá trị 10.221.250 đồng.

Bà Trần Thị K thống nhất nhường kỷ phần được hưởng cho bà Châu Kiều D. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 125,8m^2 là tài sản chung của vợ chồng bà Phạm Tuyết H và ông Châu Thiên P1. Luật sư yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận chia cho bà H ½ quyền sử dụng đất tranh chấp và phần ½ còn lại chia đều cho 04 kỷ phần cho 04 người gồm bà Trần Thị K, bà Phạm Tuyết H, anh Châu Thiên B và Châu Thiên N1. Đề nghị của Luật sư có cơ sở đúng với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Đối với đề nghị của Luật sư nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn Châu Kiều D trả lại đất và nguyên đơn hoàn lại giá trị căn nhà. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Châu Kiều D đã xây dựng nhà ở từ năm 1997 và đã qua nhiều lần sửa chữa nhà để ở, là căn nhà duy nhất cho bị đơn và gia đình sinh sống, nên không có cơ sở buộc bị đơn phải di dời đi nơi khác.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản được nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Tuyết H và anh Châu Thiên B; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Châu Thiên N1.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Tuyết H, anh Châu Thiên B về việc đòi lại di sản thừa kế.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị K.

Xác định diện tích đất tranh chấp có diện tích 125,8m^2 là tài sản chung của vợ chồng của bà Phạm Tuyết H và ông Châu Thiên P1. Chia tài sản chung vợ chồng cho bà Phạm Tuyết H giá trị ½ diện tích 125,8m^2 số tiền 40.885.000đồng.

Chia di sản thừa kế di sản thừa kế của ông Châu Thiên P1 cho hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Phạm Tuyết H, bà Trần Thị K (đã tặng cho bà Châu Kiều D), anh Châu Thiên B và chị Châu Thiên N1 mỗi người được nhận số tiền 10.221.250đồng.

[3] Công nhận phần đất có diện tích 125,8m^2 cho bà Châu Kiều D (có mảnh trích đo địa chính số 04/SHC ngày 09/02/2022 của Công ty TNHH Đ (có xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L vào ngày 05/5/2022 kèm theo).

Buộc bà Phạm Tuyết H, anh Châu Thiên B, chị Châu Thiên N1 có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến phần đất tranh chấp cho bị đơn bà Châu Kiều D, để các bên thực hiện các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và các bên được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết của Tòa án.

[4] Buộc bà Châu Kiều D có nghĩa vụ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho bà Phạm Tuyết H số tiền 51.106.250đồng (năm mươi mốt triệu một trăm linh sáu nghìn hai trăm năm đồng); anh Châu Thiên B, chị Châu Thiên N1 mỗi người 10.221.250đồng (mười triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Bà Châu Kiều D được tiếp tục, quản lý sử dụng toàn bộ tài sản trên phần đất tranh chấp.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí trích lục hồ sơ: Bà Phạm Tuyết H, anh Châu Thiên B, chị Châu Thiên N1 phải chịu 4.078.500 đồng (Bốn triệu, không trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm đồng), bà Phạm Tuyết H, anh Châu Thiên B, chị Châu Thiên N1 đã nộp xong. Bà Châu Kiều D có nghĩa vụ nộp 1.359.500 đồng (Một triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm đồng) để hoàn trả lại cho bà Phạm Tuyết H và anh Châu Thiên B.

[7] Về án phí dân sự:

[7.1] *Về án phí dân sự sơ thẩm*

- Buộc nguyên đơn bà Phạm Tuyết H phải chịu 2.555.312 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm mười hai đồng).

- Buộc anh Châu Thiên B, chị Châu Thiên N1 mỗi người phải chịu 511.062 đồng.

- Bà Châu Kiều D phải chịu 511.062 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm mười hai đồng) và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí do yêu cầu khởi kiện đòi di sản thừa kế của nguyên đơn bà Phạm Tuyết H và anh Châu Thiên B được chấp nhận.

H4 lại cho nguyên đơn bà Phạm Tuyết H và anh Châu Thiên B số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004021 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[7.1] *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Không ai phải chịu.

H4 lại cho bà Phạm Tuyết H số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0007521 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

H4 lại cho anh Châu Thiên B số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0007523 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

H4 lại cho chị Châu Thiên N1 số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0007528 ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[8] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Phượng